

Càng Học Càng Ngụ

Nguyễn Đức Lập



Nguyễn Đức Lập (cũng là bào huynh của thi sĩ Trạch Gâm) con trai của Bà Tùng Long.. thân phụ NĐL là Cụ Nguyễn Đức Nhuận...

Nghe cái câu “dù học dù ngu”, càng học càng ngu, dễ mấy ai tin được. Càng học thì phải càng khôn ra, cũng như gừng, quế, “dù lão dù tân”, càng già càng cay, mới phải cho chớ.

Hồi nhỏ, tôi học chữ Nho với thân phụ. Cha thì dạy nghiêm túc, nhưng thằng con thì học lơ là, lại thêm cái tánh rần mắt, các cố đã quen. Nên nhiều khi nó cố tình cắt nghĩa những câu chữ Nho học được theo ý của nó để cười chơi. Học tới câu “*dù học dù ngu*”, tôi đã dám ngồi xếp bằng chêm chệ, đã nói là cái tánh rần mắt các cố đã quen mà, cắt nghĩa cho thằng em tôi như vậy:

- “*Dù học dù ngu*”, là “*càng học càng ngu*”, thành ra, trò học ít thì trò ngu ít, trò học nhiều thì trò ngu nhiều, mà trò không học thì trò không ngu.

Thằng em gật đầu khoái trá, ai dè được mà cha tôi đứng ở sau lưng. Tôi bị 5 roi quần đít và học 1 bài học nhớ đời : “Chữ nghĩa thánh hiền không thể đem ra mà đùa giỡn được”. Không biết ông Mai Thảo có học 1 bài học để đời như tôi vậy chăng, nhưng ông cũng nói y như vậy, chỉ có điều ông không dùng “chữ nghĩa thánh hiền”, mà ông dùng 2 chữ “*văn chương*”. Ông nói : “*Đối với văn chương phải nghiêm túc, không đùa giỡn được*”. Ông có thể lơ ngơ thất thiếu ngoài đường phố, đi bộ mà cũng bị cảnh sát công lộ phạt về tội vi phạm luật lưu thông. Ông có thể lè nhè nơi tiệc rượu khiến cho con nít giỡn mặt. Nhưng, khi viết, ông viết rất nghiêm túc, không bao giờ đùa giỡn với văn chương.

Bị đòn, bị học 1 bài học để đời, nhưng với tuổi trẻ háo thắng, tôi không bao giờ tin rằng “càng học càng ngu”. Tin làm sao được khi con đường học vấn cứ thẳng tắp, lấy hết văn bằng này tới văn bằng kia và ra trường với 1 nghề vững chắc, trong khi mặt còn non choẹt, còn búng ra sữa, phải xin phép cha để râu mép, cho được già dặn thêm 1 chút (phải xin phép để râu vì cha tôi quan niệm rằng: “Cha chưa chết, con không được để râu”). Cho đến khi lặn lội ngoài đời, tôi mới biết rằng có rất nhiều điều mà sách vở và học đường không hề dạy. Học đường học chớ, học trên báo chí, nghe lóm những bậc trưởng thượng, thấy rằng kiến thức của mình “*thiên bất đáo, địa bất chí*”, càng học càng thấy ngu.

Chưa cần nói tới những chuyện trời cao, đất rộng, biển thẳm, núi cao, sông dài chi cho xa, chỉ những câu ca dao, những câu hát ru em huê tình, tai vẫn nghe hoài, miệng cũng có khi hát, tưởng rằng đã hiểu cháo chan, ai dè biết ra, không hiểu 1 cái gì hết. Hồi nhỏ, chị tôi ru em, vẫn thường hát câu:

Chim quên ăn trái ổi tàu

Xưng đôi mẹ gả, ham giàu mà chi

Tôi nghe câu này tới thuộc lòng mà không hề thắc mắc. Để quá mà, “*ổi tàu*” là giống ổi ở bên Tàu chứ còn cái gì nữa. Giống ổi ở bên Tàu, dĩ nhiên, phải lớn hơn, phải ngon hơn ổi bên mình, cũng như con ngựa to lớn thì gọi là ngựa Bắc Thảo, con gà, con vịt to con, được gọi là gà Tàu, vịt Tàu... Không hề thắc mắc như vậy, cho mãi tới hơn nửa đời người, đọc 1 bài của ông Võ Phiến, mới biết rằng “*ổi tàu*” ở trong câu hát không phải là giống ổi bên Tàu, mà là 1 loại cây hoang, mọc thành từng lùm từng bụi ở mấy vùng đất gò miền Trung, cây này ở miền Bắc gọi là hoa cứt lợn, còn ở cái xứ “*chó ăn đá, gà ăn muối*” của tôi thì gọi là bông ngũ sắc. Tôi đã từng hái trái của nó, lớn chỉ bằng hột tiêu, để ăn, đã từng hái những cái bông của nó để hút chất mật ngọt ở cuống bông, mà đâu biết tên của nó là ổi Tàu. Mẹ tôi vẫn thường hái bông ổi tàu này, chưng với đường phèn cho anh em tôi uống mỗi khi bị ho.

Có 1 câu hát ru em nữa, mà tôi cũng nghe đi nghe lại hoài:

Trách ai ăn giấy bỏ bìa

Khi thương, thương vợ, khi lia, lia xa

Câu này thì tôi có thắc mắc, giấy thì làm sao mà ăn? “*Ăn giấy bỏ bìa*” là làm sao? Tại sao hạng người “*ăn giấy bỏ bìa*” khi thương lại thương vợ, khi lia lại 1 mạch lia luôn theo kiểu “*hạ thủ bất lưu tình*”?

Tôi đem những thắc mắc này hỏi nhiều người, kể cả những ông thầy dạy Việt Văn, nhưng không có ai trả lời nghe xuôi tai được. Cho mãi tới sau khi đổi đời, “*giả đại qua ải*” (mà chút xíu nữa thành đại thiệt), về ở rẫy, tôi mới được nghe giải thích thỏa đáng câu hát này. Người dạy tôi là bà Ba Thời. Bà này, cạo đầu, ăn chay

trường, tu tại gia, không ăn trầu, nhưng hút thuốc phun khói còn hơn là đầu máy xe lửa. Bà có biệt tài chữa bệnh bằng phương pháp cắt lể rất mát tay. Nhiều người, trong đó có tôi, nhờ bà chữa trị mà lành bệnh được. Đặc biệt bà có 3 con dao để lể, 1 con bằng vàng, 1 con bằng bạc, 1 con bằng đồng, con nào cũng chỉ lớn bằng cây móc tai. Tùy theo con bệnh nặng nhẹ mà bà dùng con dao nào để lể. Bà, người nằm thấp, hơi nói về chiều ngang, mấy ngón tay mồm mĩm no tròn như nải chuối cau, nhưng cắt lể cho bệnh nhơn, bà làm coi bộ gọn gàng nhậm lệ khéo léo lắm. Tôi khoái nhất là cái màn được bà se se mấy sợi tóc, rồi giựt nghe cóc cóc. Đọc tới đây xin đọc giả đừng vội lên án tôi là tuyên truyền đề cao cho những phương pháp chữa bệnh thiếu khoa học. Chuyện thiếu khoa học hay đúng theo khoa học, biết làm sao mà nói cho cùng. Tôi viết ra đây là theo những điều chính tôi đã từng trải qua, theo kiểu “thấy mà tin”, chứ không hề thuyết phục ai phải tin theo mình cả.

Hồi 77, 78 trong nước bị khủng hoảng kinh tế nặng, một trăm thứ bệnh đều chữa bằng xuyên tâm liên, sống ở rẫy, nếu không có những người như bà Ba Thời, bà Tám Thông, có lẽ tôi đã ảm mờ xanh cỏ từ lâu. Bà Tám Thông cũng chuyên về giác lể như bà Ba Thời, nhưng hành nghề chính thức. Mỗi ngày, bà quẩy gánh, đem đồ nghề ra chợ Phú Mỹ (nằm trên quốc lộ 15, đường SG-Vũng Tàu), giác lể, ăn tiền. Bà Ba Thời chỉ cắt có 1 vết nhỏ, rồi nặn ra 1 chút máu. Bà còn dùng bông gòn sạch, tẩm dầu tràm, chặm lên vết thương đang hoàng. Còn bà Tám Thông sau khi cắt, dùng bầu thủy tinh giác hơi để hút máu. Bà nào làm ăn cũng rất bầy hầy. Bà dùng 1 nùi giẻ rách bươm, lau máu lau vết thương cho bệnh nhơn. Không biết 1 năm bà giặt được mấy lần, nùi giẻ dơ hầy, hôi rình.

Bởi lối chữa bệnh của bà Tám Thông làm mất máu nhiều quá, trong thời buổi ăn khoai mì cầm hơi, 1 giọt máu còn quý hơn vàng và bởi cái lối làm ăn của bà thiếu vệ sinh quá, nên tôi chỉ nhờ bà ra tay có 1 lần. Độ ấy, cứ chiều chiều là tôi cảm thấy ớn lạnh, tay chân bải hoải. Bệnh kéo dài cả tháng không hết. Một người hàng xóm, là thím Sáu Liệt, nói tôi bị trúng nước, nếu không chữa trị cho sớm, để lậm vô phổi, thì chỉ có “bà cứu nị”. Và thím giới thiệu tôi tới bà Tám Thông. Vừa nằm dài, đưa lưng trần cho bà cắt, giác, mà tôi nhòm góm cái gì đâu. Tôi nhủ thâm là tự hậu, không bao giờ tới bà lần thứ 2. Quả thiệt như vậy, tôi không tới gặp bà lần nào nữa, vì chỉ 1 lần chữa trị đó, bệnh hết hẳn.

Mấy chuyện như vậy, biết sao mà nói cho cùng. Cái chuyện cắt lể khiến cho tôi nói sang đàng, xin trở về đề tài “ăn giấy bỏ bìa”. Bữa ấy, tôi ráng lội qua nhà bà Ba Thời để nhờ bà trị cho cho cái chứng Thiên Đầu Thống, đau đầu có 1 bên. Bà lấy cây kim vàng ra lể. Nói không phải để quảng cáo cho bà, bà chữa bệnh đâu có nhận tiền thù lao, chỉ cứu nhân độ thế mà thôi, vả chăng, bà mất đã 10 năm có lẽ, cát bụi trở về với cát bụi lâu rồi, đâu cần tôi phải quảng cáo, bà cắt lể, giựt tóc nghe cóc cóc cho tôi 1 hồi, bệnh 10 phần nhẹ hết 8, 9. Bà chỉ vò cái võng treo tòng teng ở góc nhà, biểu tôi:

– Thằng Tám mày năm đó, đánh 1 giác đi, ngủ 1 giác, mày sẽ hết nhức đầu luôn.

Nằm trên võng, chưa ngủ được, tình cờ mà tôi học được thế nào là “ăn giấy bỏ bìa”... Ngồi trên bộ ván ngựa, bà Ba Thời trải rộng tờ giấy quyển, lớn bằng tờ nhật trình khổ lớn. Bà cẩn thận xếp đôi chiều dọc của tờ giấy, bà xếp đôi nữa, rồi lại xếp đôi nữa. Bà dùng dao rọc theo những lần xếp. Tờ giấy, như vậy, được rọc ra thành tám mảnh, chiều dài vẫn giữ y nguyên. Tự nhiên, bà nói:

– Rọc giấy như vậy kêu bằng ăn giấy. Miếng giấy, tao rọc làm 8 vun, kêu bằng ăn 8, nhiều người hà tiện, rọc thành 16 vun, kêu bằng ăn 16. Nhưng giấy ăn 16, điều thuốc ngăn ngừa, kéo chưa đủ 3 hơi đã hết. Tao thà chịu tốn giấy, ăn 8, đừng vắn điều nào đáng điều nấy, hút mới đã.

Không chờ không đợi mà tôi còn mừng hơn là khi không bắt được vàng thoi bạc nén vì bống dưng, bà ngâm nga:

Trách ai ăn giấy bỏ bìa

Khi thương, thương vội, khi lia, lia xa.

Bà cắt nghĩa liền

– Thằng Tám mày thấy không? giấy quyển đâu có bìa, hông có cái gì đáng mà phải bỏ hết. Vậy mà có những kẻ ăn giấy, bày đặt bỏ trên, bỏ dưới, bỏ tả, bỏ hữu. Những kẻ ăn giấy bỏ bìa này chánh thị là ba cái quân điều bộ kiểu cách lỏng nhách, mà lại kiêu căng phí phạm bạc hản không ai bằng.

Bà ngâm ngùi ngang:

– Tao khổ gần 1 đời cũng vì ba cái quân “ăn giấy bỏ bìa” này đây... bị hồi đó, tao nghèo quá ...

Té ra, giấy ở đây là giấy quyển để vắn thuốc, và ăn giấy là như vậy đó, chứ giấy không lẽ bỏ vô miệng mà ăn được. Và, có nghe bà Ba Thời giải thích như vậy, tôi mới hiểu được tại sao cái kẻ “ăn giấy bỏ bìa” lại “khi thương, thương vội, khi lia, lia xa”.

Khi tôi cảm ơn vì đã học được, đã được giải thích tường tận những điều thắc mắc ôm ập từ lâu, thì bà Ba Thời cười, khoe hàm răng ám khói vàng khè.

– Tao mà dạy cái gì? Chữ nghĩa của tao vừa đủ để ký tên. Đây là tay tao làm, miệng tao nói, cho vui vậy thôi ...

Có người sẽ trách rằng tại làm sao mà tôi lại chấp nhận lời giải thích của 1 người phụ nữ quê mùa ít học 1 cách dễ dàng như vậy. Trách tôi thì tôi chịu. Thú thật, tôi vẫn còn đem thắc mắc về cái câu “ăn giấy bỏ bìa” ra hỏi nhiều người lắm, có người là nhà ngữ học lừng danh nữa, nhưng không có ai giải nghĩa được hết. Có 1 lần, đọc trên 1 tờ báo, nơi mục giải đáp thắc mắc, tôi thấy có người cũng thắc mắc về cái câu “ăn giấy bỏ bìa”, hỏi rằng giấy làm sao mà ăn được, người giữ mục giải đáp đã trả lời rằng câu đó sai rồi, phải sửa lại là “trách ai được giấy bỏ bìa” mới đúng. Đọc tới đó tôi bỗng ngậm ngùi, vì phải ai cũng có cơ duyên gặp được bà Ba Thời như tôi vậy đây. Bà bây giờ, đã ra người thiên cổ, 1 chữ cũng là thầy, huống hồ bà còn dạy cho tôi nhiều điều khác nữa. Có lần, bà mời tôi hút thuốc, bà nói thuốc ngon lắm. Thuở đó, chuyện hút thuốc, tôi còn là trong mơ, cứ tưởng thuốc ngon là thuốc nhẹ lảng lảng, như kiêu thuốc vàng sợi ở Lạng Sơn. Nào dè, thuốc của bà, mới rít vô 1 hơi, tôi đã muốn bể phổi, ho sặc sụa. Té ra, thuốc ngon là thuốc nặng, có biết như vậy rồi, mới hiểu được tường tận ý nghĩa câu “**thuốc ngon nửa điếu**”. Trời ơi, thuốc ngon cỡ như thuốc của bà Ba Thời, mà chỉ còn có phân nửa, quên nửa của nửa điếu thuốc trước thì... ngon kể gì.

Tôi có cơ duyên may mắn được gặp bà Ba Thời và có gặp được bà rồi mới biết mình còn ngu nhiều lắm. Có nhiều câu thành ngữ, nghe người ta nói, hay đọc trong báo chí, sách vở, riết rồi quen, tôi cũng nói y theo như vậy, không cần biết đúng trật, không cần nghiệm coi nó có hợp lý hay không. Thí dụ như câu “**Một kiếng hai huê**”. Câu này, người ta vẫn thường nói và tôi vẫn nói theo, để chỉ người đàn ông có 2 vợ... Một dịp tình cờ, tôi nghe chị Mũ Đỏ Vũ Thị Vui nói khác, chị Vui là 1 phụ nữ, có 1 thời ngang dọc, là 1 sĩ quan nổi tiếng trong binh chủng nhảy dù. Chính chị làm quan, chứ không phải làm quan tấ. Chị bày tỏ ý kiến 1 cách nhẹ nhàng, không cần thuyết phục người nghe:

– Phải nói là “Một kiếng hai huê” mới đúng.

“Huê” là “hoa”, vì kiếng tên bà Hồ Thị Hoa là vợ vua Minh Mạng, nên chữ “hoa” phải đọc là “huê”, ở miền Trung, có nơi còn đọc là “ba”, miền Nam thì nói là “bông”. Bữa chị Vui nói đó, có mặt cả nhà thơ Lê Giang Trần. Nhà thơ này có nghĩ gì không, tôi không biết, riêng tôi, nghe xong, tôi giật mình. Té ra, bấy lâu nay mình quen miệng nói theo người ta, trật lất mà mình không biết. 1 chậu kiếng mà trồng 2 loại hoa khác nhau, để chỉ người đàn ông 2 vợ là phải quá rồi.

Từ cái câu “Một kiếng hai huê”, mới hợp với câu ca dao :

“Một bồn một kiếng tuổi xanh

Một chàng, hai thiếp khổ anh nhiều bề”.

Tại sao mà khổ dữ vậy? Tại vì :

“Một chàng, hai thiếp, anh xử hiếp tôi rồi,

Tôi, buồng ai nấy ngủ; gạo, hai nồi nấu riêng.”

Đó, như đã nói, có nhiều câu nhiều chữ, nói riết thành quen, rồi hiểu cũng theo 1 thói quen, không cần tìm tới tận gốc cái nghĩa đích thực của nó.

Hồi nãy, tôi nói tới chữ “ôi tàu”, bây giờ, xin nói tới “**thịt kho tàu**”.

Hồi trước, chỉ có người miền Nam mới biết món thịt kho tàu. Ăn với dưa giá trong mấy ngày tết. Bây giờ, bất kỳ là Bắc, Trung, Nam, không mấy người là không biết món thịt kho tàu. Kho làm sao, không ướp hành ướp tiêu gì hết, mà vẫn thơm tho? Kho làm sao mà miếng thịt mềm rục nhưng không nát, Kho làm sao mà không bỏ nước màu, nước thịt vẫn tươi màu nâu đỏ, trong khe? Mấy điều này, xin hỏi mấy bà nội trợ lành nghề. Tôi chỉ biết về điều tôi học được về “thịt kho tàu”. Ăn món thịt kho này từ hồi mới mọc 3 cái răng cửa, tới hơn nửa đời người, tôi vẫn cứ đinh ninh món này là món của người Tàu. Thịt kho tàu là món thịt kho của người Tàu, chắc nhiều người cũng nghĩ như tôi vậy. Nghĩ riết như vậy rồi quen, không hề thắc mắc rằng trong các tiệm ăn do chính người Tàu làm chủ và làm đầu bếp chính, kể cả các tiệm ăn bình dân, không hề có món thịt kho tàu, ghi trong thực đơn. Mà thiệt, gẫm cho cùng, bên Tàu, xứ lạnh, làm gì có cây dưa, để có nước dưa tươi đổ vô nồi thịt kho.

Mãi cho đến khi đọc 1 bài của Ông Bình Nguyên Lộc, viết cho các em thiếu nhi, mới hiểu rằng chữ “tàu”, ở đây, theo nghĩa của người “miền dưới” là “lạt”, như sông Cái Tàu Thượng, sông Cái Tàu Hạ là 2 con sông nước lợ. Té ra, **kho tàu là kho lạt lạt** chứ không phải là kho theo kiểu người Tàu.

Cũng nói quen miệng mà không cần tìm hiểu là “**cây lẻ bạn**”... Lẻ bạn là loại cây giống như cây thơm, cây dứa, nhưng thấp hơn, nhỏ hơn, cao độ hai tấc, hai tấc rưỡi là cùng. Tà lá lẻ bạn màu tím than, bông mục ra ở dưới gốc, giống như 2 cái vỏ sò khép lại. Khi bông nở, hai mảnh hé ra, nhụy là những hạt trắng tươi. Ở miền Nam, người ta thường trồng cây lẻ bạn ở những gò mả, ngụ ý sự thương tiếc ngậm ngùi, người sống cũng lẻ bạn, người chết cũng lẻ bạn. Đó là tất cả những gì mà tôi biết, tôi hiểu về cây lẻ bạn. Tôi chưa 1 lần trồng cây lẻ bạn bên mộ của ai, nhưng tôi thích cái ý nghĩa này.

Nào dè tôi biết, tôi hiểu trật lất. Đọc sách cụ Vương Hồng Sển mới biết cây này tên của nó không phải là cây “lẻ bạn”, mà là “**lão Bạng**”, lấy từ câu “**lão Bạng sanh châu**” (con trai, con sò già, sanh ra ngọc). Sở dĩ cây gọi làm vậy là vì bông của nó giống như 2 vỏ sò úp lại và khi nở bày nhụy trắng tinh bên trong như những hạt minh châu. Cụ Vương còn cho biết ở vùng núi Ngũ Hành Sơn ở Quảng Nam, **cây Lão Bạng** mọc làng khang. Biết thêm 1 điều gì, đỡ ngu thêm 1 chút, nhưng trường hợp của cây Lão Bạng này, tôi nghĩ thà là không biết còn hơn. Bấy lâu, tôi vẫn thấy bụi cây màu tím đó, mọc bên cạnh 1 ngôi mộ, là 1 hình ảnh nên thơ, nói lên 1 ý nghĩa thương tiếc ngậm ngùi “Lẻ bạn” bỗng trở thành “**Lão Bạng**”, hình ảnh nên thơ, chan chứa tình cảm đó, bỗng nhiên biến mất ...

Tôi, bây giờ, ai “**đem tiêu muối vãi lên đầu**” rồi, mà muối đã nhiều hơn tiêu, ngòi mà tiếc lại thời gian đã qua, bỏ lỡ nhiều dịp may để mà học. Nhưng, tiếc là tiếc vậy thôi chứ làm sao níu kéo lại được thời gian. Thế giới càng ngày càng văn minh tấn tới. Khoa học kỹ thuật tiến triển mau lẹ tới mức theo không kịp, tôi vẫn nuôi tham vọng muốn học nhiều, nhưng ngày giờ có chừng, sức người có hạn, học làm sao cho hết.. Bà Ba Thời đã về với cát bụi, các ông BNL, VHS cũng không còn, nhưng các bạn trẻ tấn lên, cái kiến thức về KHKT của họ, học biết bao giờ rồi? Đức Khổng Tử dạy rằng: “**Vi nhơn nan**” (làm người thì khó). Nội cái chuyện học làm sao để sống cho ra con người, xứng đáng là 1 con người, cũng đã hụt hơi.

Tôi lớn lên trong phong trào Hướng Đạo, Luật phong trào dạy: “**trong sạch từ tư tưởng, lời nói tới việc làm**”. Cho tới ngày giờ này, điều luật vẫn làm tôi lao đao, chỉ biết cố giữ câu châm ngôn “gắng sức” của sói con, để cho ngựa đừng trở chứng đạp rào. Đức Phật là người đi mà không đến. Cái học của tôi cũng vậy, học thầy, học bạn, học sách, học báo, học đường, học chợ, học chỉ để mà học. “**Dù học dù ngu**”.

Ngày xưa, thầy Tử Lộ hỏi Đức Khổng Tử khi nào thì chấm dứt sự học. Vị Vạn thế Sư Biểu đã trả lời rằng :

- Khi huyết đã đào nhũn rồi, đất đã đắp chắc chắn rồi, người đi đưa đã quay churen lui gót rồi, lúc đó mới hết học.

Và, cái học khó nhứt vẫn là học làm sao để sống cho ra con người ...

Tự Truyện Nguyễn Đức Lập